

Họ và tên:

ÔN TẬP CUỐI TUẦN

Môn Toán - Phiếu ôn 26

I/ TRẮC NGHIỆM

Đánh dấu ☒ vào ô đáp án đúng nhất (A, B, C)

Câu 1. Số 205 đọc là:

- A. Năm trăm linh hai
- B. Hai trăm năm mươi
- C. Hai trăm linh năm

Câu 2. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ trống:

$$245 \dots 200 + 40$$

- A. >
- B. <
- C. =

Câu 3. “Bảy trăm hai mươi lăm” viết số?

- A. 720
- B. 750
- C. 725

Câu 4. Số gồm 3 trăm, 8 chục, 5 đơn vị là:

- A. 358
- B. 583
- C. 385

Câu 5. Số liền sau số 739 là:

- A. 738
- B. 740
- C. 730

Câu 6. Số 379 được viết thành tổng các trăm, chục, đơn vị là:

- A. $300 + 70 + 9$
- B. $300 + 7 + 90$
- C. $300 + 79$

Câu 7. Cho dãy số: 122; 124; 126; ...; ... Hai số tiếp theo của dãy số là:

- A. 128; 129
- B. 127; 130
- C. 128; 130

II/ TỰ LUẬN

Bài 1. Điền dấu $>$, $<$, $=$

$834 \quad \square \quad 843$

$261 \quad \square \quad 375$

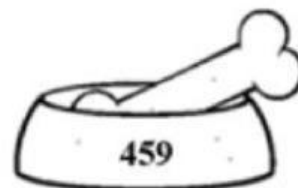
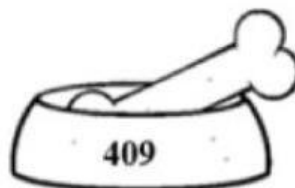
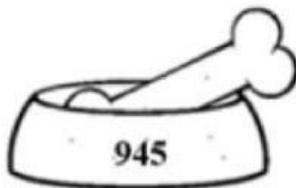
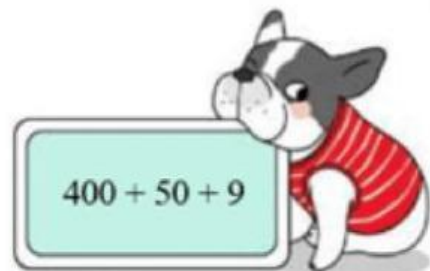
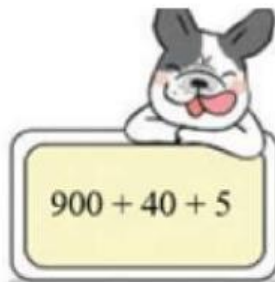
$684 \quad \square \quad 584$

$327 \quad \square \quad 328$

$198 \quad \square \quad 189$

$989 \quad \square \quad 900$

Bài 2. Nói



Bài 3. Cho các số sau: 743; 347; 437; 734

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: $\square$; $\square$; $\square$; $\square$

b) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: $\square$; $\square$; $\square$; $\square$

Bài 4. Xếp đều 45 cái ghế thành 5 hàng đều nhau. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu cái ghế?

Bài giải

Các con hãy làm bài thật cẩn thận nhé!